

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP.HCM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1145/2026/DS-ST**

Ngày: 03-06-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tươi.
2. Ông Lê Minh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngân – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1037/2026/TLST-DS ngày 26/03/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1816/2026/QĐXXST-DS ngày 07/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Thiện T**, sinh năm: 1972; CCCD: 079072030811; Địa chỉ: A L, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoài B**, sinh năm: 1994; 079094003845; Địa chỉ: B ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thiện T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với người thân của ông Nguyễn Hoài B từ trước nên ông đã có cho ông Nguyễn Hoài B vay tiền nhiều lần với số tiền 80.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Đến vào ngày 20/7/2016 ông B mượn của ông tiếp 20.000.000 đồng nữa thì ông B mới ký giấy vay tiền, xác định ông B nợ của ông là 100.000.000

đồng. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là khoảng 1.000.000 đồng/tháng, không xác định thời hạn trả nợ. Từ tháng 8/2016, ông B đã trả cho ông tiền lãi được 07 tháng, tương ứng với số tiền 7.000.000 đồng, rồi sau đó ông B ngưng trả lãi cho đến nay.

Tháng 9/2025, ông có gửi thư đến ông B yêu cầu trả nợ.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Hoài B trả cho ông số nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Số tiền ông cho ông B vay là tiền riêng của ông, không phải là tài sản chung vợ chồng.

- Tại bản tự khai 03/6/2026 – bị đơn ông Nguyễn Hoài B trình bày:

Khoảng năm 2012, ông làm ở xã T, rồi có quen biết với ông Trần Thiện T. Đến khoảng đầu năm 2015, ông có vay 02 lần tiền của ông Trần Thiện T, với tổng số tiền 70.000.000 đồng, có trả lãi hàng tháng nhưng không có làm giấy tờ vay mượn, tiền lãi thỏa thuận là 10%/tháng. Ông trả được khoảng 12 tháng (mỗi tháng 7.000.000 đồng) thì không có khả năng nên ngưng trả lãi. Việc trả lãi thì ông trả tiền mặt, không có giấy tờ hay chứng cứ gì ghi nhận. Đến ngày 20/7/2016 do ông không trả lãi nên ông mới viết giấy nợ cho ông T gồm tiền gốc và tiền lãi là 100.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ. Hai bên thỏa thuận tiền lãi là khoảng 7.500.000 đồng/tháng nhưng không có ghi thỏa thuận này vào giấy nợ mà chỉ thỏa thuận miệng bên ngoài. Sau đó ông trả được 02 tháng với tổng số tiền 15.000.000 đồng thì ông bị bệnh, công việc không ổn định nên không trả nữa.

Nay ông T yêu cầu tôi trả số nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi thì ông cũng thống nhất, không yêu cầu tính lại các khoản lãi đã trả trước đây nhưng ông mong Tòa án và ông T xem xét cho ông trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng – 1.000.000 đồng.

Hiện nay ông cũng còn bị bệnh, không làm việc nặng được, hai con nhỏ đang đi học, không có việc làm ổn định nên không thể trả ngay số tiền lớn này được. Số tiền ông vay của ông T thì một mình ông chịu trách nhiệm, không liên quan đến ai khác.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn ông Trần Thiện T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Hoài B. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do bị đơn ông Nguyễn Hoài B có nơi cư trú tại B ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn ông Trần Thiện T và bị đơn ông Nguyễn Hoài B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5.1] Nguyên đơn ông Trần Thiện T yêu cầu ông Nguyễn Hoài B trả cho ông số nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

[5.2] Bị đơn ông Nguyễn Hoài B cũng thống nhất trả cho ông Trần Thiện T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lại các khoản lãi đã trả trước đây cho ông Trần Thiện T nhưng xin trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

[6] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sự xác nhận của các bên đương sự có cơ sở xác định ông Nguyễn Hoài B còn nợ ông Trần Thiện T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ông Nguyễn Hoài B nợ ông Trần Thiện T đã lâu chưa thanh toán, nên việc ông Nguyễn Hoài B đưa ra phương thức trả dần sẽ do các bên thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiện T, buộc ông Nguyễn Hoài B có trách nhiệm trả cho ông Trần Thiện T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiện T đối với ông Nguyễn Hoài B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hoài B có trách nhiệm trả cho ông Trần Thiện T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi nguyên đơn ông Trần Thiện T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Nguyễn Hoài B với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bị đơn ông Nguyễn Hoài B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2.2 Nguyên đơn ông Trần Thiện T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016866 ngày 19/03/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Thiện T và bị đơn ông Nguyễn Hoài B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV10-TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



Trần Thị Hồng Cẩm